TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **325**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Ông **Ngô Mạnh M**, sinh năm:1993; CCCD số: 031093001306; Địa chỉ: Lô A H, tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng và bà **Đinh Thị T,** sinh năm:1996; CCCD số: 089196002269; Địa chỉ: Lô A H, tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T kết hôn vào năm 2018 có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (cũ), hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 26 tháng 02 năm 2018. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Lô A H, tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp. Nay ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Ngô Thị Bảo N, sinh ngày: 26/01/2018 và Ngô Mạnh Đ, sinh ngày: 15/11/2022. Sau khi ly hôn, ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T thống nhất thỏa thuận:

Bà Đinh Thị T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Ngô Thị Bảo N, sinh ngày: 26/01/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Mạnh M nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Ngô Mạnh Đ sinh ngày 15/11/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T cùng xác nhận không có

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T cùng xác nhận không có

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0005334 ngày 20 tháng 5 năm 2026. Như vậy, ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (cũ), không còn giá trị pháp lý)*

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T như sau:

Bà Đinh Thị T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Ngô Thị Bảo N, sinh ngày: 26/01/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Mạnh M nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Ngô Mạnh Đ sinh ngày 15/11/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T cùng xác nhận không có

- Về nợ chung: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T cùng xác nhận không có

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0005334 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Ngô Mạnh M và bà Đinh Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (cũ);
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai

.